

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 22 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Phan Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tất T, sinh ngày 17/8/1982; Nơi sinh và cư trú: Tổ M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Tiến I và bà Nguyễn Thị Minh T1; Có vợ là Nguyễn Thị M và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Trần Viết H, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã M, Huyện S, thành phố Hà Nội.

+ Ông Đỗ Minh P, sinh năm 1973, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xuân H, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông Nguyễn Đình P1, sinh năm 1961, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 15/01/2019, Nguyễn Tất T đang ngồi bán nước vỉa hè thuộc tổ 2, phường H, thành phố P thì có đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn T2, sinh năm 1998 trú tại xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn T3, sinh năm 1982 trú tại xã K, huyện M, thành phố Hà Nội đến quán nước của T. Tại đây, T2 hỏi mua số lô, số đề thì T đồng ý. T với T2 thống nhất cách thức đánh lô, đề như sau: Một điểm lô T bán ra với giá 22.000 đồng, kết quả trúng lô sẽ lấy kết quả của 2 số cuối các giải của xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó để tính, nếu trúng một điểm lô sẽ được 80.000 đồng. Đối với số đề sẽ tính theo 2 số cuối của giải đặc biệt tại kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó, nếu trúng thì đánh 1.000 đồng sẽ được hưởng 80.000 đồng. Thống nhất xong T2 mua của T 2 số lô 10, 47 mỗi số 50 điểm = 2.200.000 đồng và 02 số đề 10, 52 mỗi số 50.000đồng = 100.000 đồng, số đề 54 là 100.000 đồng. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho T2 là 2.400.000đồng. T cầm số tiền 2.400.000đồng T2 đưa để trên bàn rồi ghi các số lô, số đề nêu trên vào 01 mẫu giấy nhỏ qua một tờ giấy than rồi đưa lại cho T2 tờ giấy nhỏ, còn tờ giấy nhỏ viết qua tờ giấy than T giữ lại để làm căn cứ trả thưởng.

Ngay sau khi T bán số lô, số đề cho T2 xong thì T3 hỏi mua số lô, số đề của T, vẫn cách thức chơi như trên nhưng một điểm lô T bán cho T3 với giá 22.500 đồng, T3 mua của T số lô 83 là 100 điểm = 2.250.000 đồng, số đề 83 là 350.000đồng, số đề 38 là 40.000 đồng. Tổng số tiền T3 mua số lô, số đề của T là 2.640.000 đồng. T cầm số tiền 2.640.000 đồng T3 đưa để trên bàn rồi ghi các số lô, số đề nêu trên vào 01 giấy nhỏ qua một tờ giấy than rồi đưa lại cho T3 tờ giấy nhỏ, còn tờ giấy nhỏ viết qua tờ giấy than T giữ lại đúng lúc này lực lượng Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án. Tổng số tiền T đánh bạc là: 5.040.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận toàn bộ số tiền đánh lô, đề nêu trên T tự giữ lại không chuyển cho người khác. Nếu T2, T3 mua số lô, số đề không trúng thì T được hưởng toàn bộ số tiền nêu trên và ngược lại. Nếu T2, T3 trúng số lô, số đề thì T có trách nhiệm chi trả tiền trúng lô, số đề như đã thỏa thuận.

Đối với đối tượng tự khai là Nguyễn Văn T2, sinh năm 1998 trú tại xã B, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn T3, sinh năm 1982, trú tại xã K, huyện M, thành phố Hà Nội. Quá trình làm việc tại trụ sở công an phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, lợi dụng sơ hở T2, T3 đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa chỉ ban đầu mà T2, T3 đã khai nhưng không có đối tượng nào có nhân thân, lai lịch như trên. Do vậy, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Số vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm: Thu của T2 và T3 mỗi người 01 tờ giấy tích kê ghi số lô, số đề có chữ ký của T. Thu giữ của T 02 tờ giấy tích kê có ghi các số lô, số đề bán cho T2 và T3 bằng giấy than được chuyển theo hồ sơ vụ án. Thu giữ của T số tiền 5.040.000 đồng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ đã cũ, 01 chiếc bút bi mực màu đen.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 5.040.000 đồng thu giữ của T. Quá trình điều tra xác định là tiền do T đánh bạc mà có do vậy đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 bộ bàn ghế bằng gỗ đã cũ. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Tiến I, là bố đẻ của T. Ông I không biết T sử dụng bộ bàn ghế làm phương tiện để đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại cho ông I, ông I đã nhận lại và không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Đối với 01 bút bi mực màu đen T sử dụng là công cụ đánh bạc nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại Cáo trạng số: 24/CT - VKSPY ngày 28 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Tất T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tất T về tội “Đánh bạc”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ số tiền 5.040.000 đồng, là số tiền do T đánh bạc mà có. Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi mực màu đen T sử dụng là công cụ đánh bạc.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và xin được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội hòa nhập với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 15/01/2019 tại quán nước vỉa hè thuộc tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Lực lượng Công an thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang Nguyễn Tất T có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán các số lô, số đề cho đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn T2, sinh năm 1998 trú tại xã B, Huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn T3, sinh năm 1982 trú tại xã K, Huyện M, thành phố Hà Nội với tổng số tiền là: 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tất T đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Từ tội đánh bạc có thể nảy sinh ra nhiều tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng...vì vậy cần xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Tất T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có bố đẻ là người có công với

cách mạng, được tặng thưởng huy chương chiến sỹ giải phóng trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, bản thân bị cáo bị ảnh hưởng chất độc hóa học, bị cáo có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo T hiện tại không có việc làm và không có thu nhập. Ngoài ra, hàng tháng bị cáo được hưởng chế độ trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về vật chứng của vụ án: Số vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm: Thu của T2 và T3 mỗi người 01 tờ giấy tích kê ghi số lô, số đề có chữ ký của T. Thu giữ của T 02 tờ giấy tích kê có ghi các số lô, số đề bán cho T2 và T3 bằng giấy than được chuyển theo hồ sơ vụ án. Thu giữ của T số tiền 5.040.000 đồng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ đã cũ; 01 chiếc bút bi mực màu đen.

Đối với 01 bộ bàn ghế bằng gỗ đã cũ, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Tiến I, là bố đẻ của T. Ông I không biết T sử dụng bộ bàn ghế làm phương tiện để đánh bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên trả lại cho ông I, ông I đã nhận lại và không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 5.040.000 đồng thu giữ của T. Quá trình điều tra xác định là tiền do T đánh bạc mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 bút bi mực màu đen T sử dụng là công cụ đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tất T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tất T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tất T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (Một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tất T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ số tiền 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi mực màu đen. Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Tất T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phúc Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THA.HS; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

